

Số: 79/2017/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 14 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 07/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí 28 nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 3 và kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XII) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh (*Có phụ lục 28 nội dung kèm theo*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP. Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu VP, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng

BẢNG TỔNG HỢP

28 nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 3 và kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận thống nhất với UBND tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)



1. Chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787.
2. Chủ trương thuận đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo tỉnh Bình Định – giai đoạn 2017-2020.
3. Bố trí kế hoạch vốn năm 2016 từ nguồn tiền sử dụng đất tái định cư của dự án Quốc lộ 1D cho Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn.
4. Phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016 trên địa bàn huyện Phù Cát.
5. Mua sắm xe ô tô chuyên dùng cho Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh quản lý, sử dụng trong năm 2017.
6. Phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016.
7. Chủ trương hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Nhơn.
8. Phân bổ kế hoạch vốn năm 2016 để thanh toán khối lượng hoàn thành cho công trình đầu tư xây dựng phục vụ phát triển quỹ đất.
9. Phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016.
10. Chuyển nguồn vốn từ nguồn vượt thu tiền xổ số kiến thiết năm 2016 sang năm 2017 để thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án, công trình.
11. Chủ trương đầu tư Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tỉnh Bình Định.
12. Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.
13. Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu năm 2017 và bổ sung lĩnh vực phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai thuộc các công trình dự án lĩnh vực ngành nông nghiệp phát triển nông thôn và ngành giao thông của tỉnh.
14. Nguồn vốn thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít thuộc các công trình dự án lĩnh vực ngành

15. Chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1).

16. Chủ trương đầu tư Công trình: Đê sông An Lão (đoạn An Hòa - giai đoạn 2).

17. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cho Công ty TNHH Phú Hiệp và Công ty cổ phần Khoáng sản Biotan thuê đất để khai thác titan .

18. Chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2016 còn lại sang năm 2017 để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư giai đoạn 1 của dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn.

19. Chuyển kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, từ năm 2016 còn lại sang năm 2017 tiếp tục thực hiện.

20. Quy định tạm thời việc thu lệ phí đăng ký kinh doanh.

21. Chủ trương đầu tư Dự án Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại Km1145 +540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn.

22. Mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng Thành ủy Quy Nhơn để quản lý, sử dụng.

23. Chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2016 và kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2016 chưa thực hiện hết sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện.

24. Bổ sung diện tích đất 5.546m² vào danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng để sử dụng xây dựng các móng trụ đường dây 110Kv đấu nối sau trạm biến áp 220KV tại xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ.

25. Mua 01 xe ô tô chuyên dùng cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn để quản lý, sử dụng.

26. Chủ trương đầu tư Dự án: Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định. Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

27. Chủ trương đầu tư Dự án Dự án: Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

28. Kinh phí hỗ trợ mua xe ô tô chuyên dùng cho Công an tỉnh./.

(Nội dung cụ thể có phụ lục chung kèm theo)



PHỤ LỤC CHUNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

1. Chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát danh mục dự án, dự kiến vốn và hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2016-2020; nhu cầu và dự kiến kế hoạch 2017;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787. Cụ thể như sau:

a) Tên dự án: Nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787.

b) Dự án: nhóm B

c) Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

d) Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

e) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định

g) Về quy mô đầu tư: Xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787.

*** Quy mô mặt cắt ngang:** Theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu TCXDVN 104-2007.

- | | |
|----------------------------------|---|
| - Bề rộng nền đường | : $B_{\text{nền}} = 42,0\text{m}$. |
| - Bề rộng mặt đường gồm 6 làn xe | : $B_{\text{mặt}} = 6 \times 3,75\text{m} = 22,5\text{m}$. |
| - Bề rộng dải phân cách giữa | : $B_{\text{dpc}} = 4,5\text{m}$. |
| - Bề rộng vỉa hè | : $B_{\text{vh}} = 2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$. |

*** Thiết kế cầu, cống thoát nước:** Trên tuyến thiết kế các công trình thoát nước phù hợp với địa hình.

*** Thiết kế điện chiếu sáng, cây xanh, an toàn giao thông:**

- Hệ thống điện chiếu sáng của tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo đường phố và các quy phạm trang bị điện của Bộ Công Thương.

- Hệ thống cây xanh được bố trí trong dải phân cách giữa và trên vỉa hè nhằm tạo mỹ quan cho tuyến đường trong đô thị.

- An toàn giao thông dùng hệ thống vạch sơn, biển báo, đảo dẫn hướng và đèn tín hiệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường và Điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

h) Địa điểm và phạm vi đầu tư:

Tuyến đường ĐT.639B (đường phía Tây tỉnh), Đoạn Km113 - Km145; phân đoạn Km137+580 đến Km143+787 thuộc thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điểm đầu phân đoạn (Km137+580): Giao với Quốc lộ 1 tại nút ngã 4 Long Mỹ (Km1234+500 Lý trình QL1) thuộc địa phận phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

- Điểm cuối phân đoạn (Km143+787): Giao với QL 1D tại Km 1+670 (đường Quy Nhơn - Sông Cầu), cách cầu Long Vân khoảng 150m thuộc địa phận phường Bùi Thị Xuân thành phố Quy Nhơn.

- Chiều dài tuyến L= 6.207m, tuyến đi mới hoàn toàn.

i) Dự kiến Tổng mức đầu tư dự án

- Tổng mức đầu tư dự án: **940.731.000.000 đồng** (Chín trăm bốn mươi tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu đồng).

Trong đó:

+ Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: **850.000.000.000 đồng** (đã bao gồm 10% dự phòng).

+ Nguồn vốn Ngân sách tỉnh: **90.731.000.000 đồng.**

k) Thời gian thực hiện: 2017-2020

l) Hình thức đầu tư dự án: Theo Luật đầu tư công

2. Chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo tỉnh Bình Định – giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ Văn bản số 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó dự kiến bố trí kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017 – 2020 cho dự án Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học của tỉnh Bình Định là 130 tỷ đồng;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo tỉnh Bình Định, giai đoạn 2017-2020. Cụ thể như sau:

a) Tên dự án: Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo tỉnh Bình Định, giai đoạn 2017-2020.

b) Dự án nhóm: B

c) Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh

d) Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh

e) Tên Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo

g) Quy mô dự án: Xây dựng mới 251 phòng học; trong đó có 64 phòng học mầm non và 187 phòng học tiểu học tại các huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn.

h) Địa điểm và phạm vi đầu tư: Xây dựng 251 phòng học mầm non, tiểu học tại các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

- **Huyện An Lão:** Xây dựng 23 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã An Nghĩa, Xã An Quang, Xã An Trung, Xã An Hòa, Xã An Toàn, Xã An Vĩnh, Xã An Hưng (các xã thuộc Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Huyện Vĩnh Thạnh:** Xây dựng 37 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Vĩnh Hảo, Xã Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Thịnh, Xã Vĩnh Hiệp, Xã Vĩnh Kim, Xã Vĩnh Quang, Xã Vĩnh Thuận, Xã Vĩnh Hòa (các xã thuộc Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ)..

- **Huyện Vân Canh:** Xây dựng 15 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Canh Hòa, Xã Canh Liên, Xã Canh Thuận (các xã thuộc Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Huyện Hoài Ân:** Xây dựng 30 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Ân Nghĩa, Xã Bok Tới, Xã Đăk Mang (các xã thuộc Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Huyện Tây Sơn:** Xây dựng 8 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho Xã Vĩnh An (các xã thuộc Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Huyện Phù Mỹ:** Xây dựng 59 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Mỹ Châu (xã thuộc Quyết định 204/QĐ-TTg), Xã Mỹ Cát, Xã Mỹ

Thắng, Xã Mỹ Thành, Xã Mỹ Đức, Xã Mỹ An, Xã Mỹ Thọ, Xã Mỹ Lợi (các xã thuộc Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Huyện Phù Cát:** Xây dựng 41 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Cát Thành, Xã Cát Minh, Xã Cát Khánh, Xã Cát Chánh, Xã Cát Hải (các xã thuộc Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ)..

- **Huyện Hoài Nhơn:** Xây dựng 36 phòng lớp học mầm non, tiểu học cho các xã: Xã Hoài Hải, Xã Hoài Mỹ, Xã Hoài Thanh, Xã Hoài Hương (các xã thuộc Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- **Thành phố Quy Nhơn:** Xây dựng 02 phòng lớp học mầm non cho Xã đảo Nhơn Châu (các xã thuộc Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

(Danh mục cụ thể như phụ lục 01 kèm theo)

i. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 144.700.000.000 đồng

(Một trăm bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Trong đó:	- Chi phí xây dựng :	120.200.000.000 đồng;
	- Chi phí thiết bị :	0 đồng
	- Chi phí QLDA :	1.699.687.000 đồng;
	- Chi phí tư vấn đầu tư XD:	7.832.440.000 đồng;
	- Chi phí khác :	1.845.292.000 đồng;
	- Dự phòng chi :	13.152.581.000 đồng.

k. Dự kiến nguồn vốn, phân kỳ đầu tư:

- **Nguồn vốn thực hiện dự án:** Vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 và vốn ngân sách địa phương.

- **Mức Vốn TPCP hỗ trợ:** hỗ trợ không quá 800 triệu đồng cho mỗi phòng học cấp mầm non và 500 triệu đồng cho mỗi phòng học cấp tiểu học.

- Dự kiến kế hoạch vốn thực hiện dự án:

+ Phân bổ vốn thực hiện 90% tổng mức đầu tư: 130.230 triệu đồng (trong đó vốn TPCP: 117.000 triệu đồng; NSDP: 13.230 triệu đồng);

+ Tiết kiệm theo Nghị quyết 89/NQ-CP (10%): 14.470 triệu đồng từ chi phí dự phòng của dự án, tiết kiệm qua đấu thầu dự án và từ chi phí khác của dự án.

Phân kỳ đầu tư	Năm 2017 (Tr.đồng)	Năm 2018 (Tr.đồng)	Năm 2019 (Tr.đồng)	Tổng mức đầu tư dự án (Tr.đồng)
Nguồn vốn				
Vốn Trái phiếu chính phủ	50.000	67.000		117.000
Ngân sách tỉnh		5.000	8.230	13.230
Cộng	50.000	72.000	8.230	130.230

l) Thời gian thực hiện:

- Năm 2017: Trình phê duyệt dự án đầu tư; lập bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công các công trình; triển khai xây dựng các công trình, với tổng kinh phí dự kiến khoảng 50.000 triệu đồng.

- Năm 2018: Triển khai xây dựng các công trình với tổng kinh phí dự kiến khoảng 72.000 triệu đồng.

- Năm 2019: Triển khai xây dựng các công trình với tổng kinh phí khoảng 8.230 triệu đồng.

m) Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới 251 phòng học mầm non, tiểu học thuộc các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển, hải đảo trong toàn tỉnh. Do việc triển khai đầu tư được thực hiện ở nhiều trường của các xã khác nhau; do đó, mỗi trường được phê duyệt, tổ chức thực hiện như một tiểu dự án thành phần.

3. Bố trí kế hoạch vốn năm 2016 từ nguồn tiền sử dụng đất tái định cư của dự án QL1D cho UBND thành phố Quy Nhơn.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí kế hoạch vốn năm 2016 từ nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư của dự án QL1D cho UBND thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

Thống nhất bố trí kế hoạch vốn năm 2016 từ nguồn thu bổ sung tiền sử dụng đất tái định cư của dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ Long Vân đến Bến xe liên tỉnh (đợt 2) với số tiền **4.323 triệu đồng** (Bốn tỷ ba trăm hai ba triệu đồng) để UBND thành phố Quy Nhơn thanh toán khối lượng hoàn thành các hạng mục hạ tầng các khu tái định cư phục vụ dự án.

(Nội dung chi tiết như phụ lục 02 kèm theo)

4. Phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016 trên địa bàn huyện Phù Cát.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh phân chia nguồn thu vượt dự toán tiền sử dụng đất của ngân sách tỉnh năm 2016 là **6.144 triệu**

đồng trên địa bàn huyện Phù Cát; Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đất do huyện quy hoạch đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã Cát Trinh, Cát Hanh, Cát Tân (những xã đã hoàn thành nông thôn mới) sau khi trừ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và chi phí xây dựng hạ tầng được để lại cho ngân sách huyện hưởng 100%, cụ thể:

- Khu dân cư và đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Cát Trinh;
- Khu tái định cư Quốc lộ 1A xã Cát Hanh;
- Khu tái định cư Quốc lộ 1A xã Cát Tân;

Từ năm 2017 trở đi đề nghị thực hiện theo quy định phân cấp giai đoạn 2017-2020.

5. Mua 01 xe ô tô chuyên dùng cho Ban QLDA Giao thông tỉnh quản lý, sử dụng trong năm 2017.

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, có quy định Ban QLDA được mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho Ban QLDA an toàn giao thông tỉnh mua sắm xe ô tô chuyên dùng 02 cầu 07 chỗ trong năm 2017 để phục vụ tốt công tác quản lý dự án, chỉ đạo điều hành và khảo sát, giám sát công trình và tham gia khắc phục lũ lụt.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí của Ban QLDA Giao thông tỉnh.

- Giá mua xe: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo mức giá và thẩm quyền được quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

6. Phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016.

Thường trực HĐND tỉnh đã có Văn bản số 184/HĐND ngày 09/11/2016 thỏa thuận phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016, trong đó có nội dung thống nhất chủ trương cho bố trí 50.000 triệu đồng từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2016 để trả nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc nhiệm vụ của ngân sách tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2016 của ngân sách tỉnh để thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án, công trình với số tiền **50.000 triệu đồng**.

(Danh mục chi tiết dự án, công trình như phụ lục 03 kèm theo).

7. Chủ trương hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Nhơn.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Nhơn. Cụ thể như sau:

Dự án Trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Nhơn đang được Bộ Công an thẩm định chủ trương đầu tư dự án, với tổng mức đầu tư dự kiến là **87.000.000.000 đồng**. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp qua Bộ Công an: **67.000.000.000 đồng** (sáu mươi bảy tỷ đồng).

- Vốn ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư: **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng), được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2016-2020 của tỉnh (sau khi được Trung ương bố trí vốn ngân sách qua Bộ Công an).

8. Phân bổ kế hoạch vốn năm 2016 để thanh toán khối lượng hoàn thành cho công trình đầu tư xây dựng phục vụ phát triển quỹ đất.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2016 của ngân sách tỉnh với số tiền **24 tỷ đồng** (hai mươi bốn tỷ đồng), để thanh toán khối lượng hoàn thành cho các hạng mục thuộc công trình Hạ tầng kỹ thuật khu vực Trung đoàn vận tải 655, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn.

9. Phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016.

Thường trực HĐND tỉnh đã có Văn bản số 184/HĐND ngày 09/11/2016 thỏa thuận phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2016, trong đó có nội dung thống nhất chủ trương cho bố trí 50.000 triệu đồng từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2016 để trả nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc nhiệm vụ của ngân sách tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2016 của ngân sách tỉnh để thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án, công trình với số tiền **6.800 triệu đồng** (sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

(Danh mục chi tiết dự án, công trình như phụ lục 04 kèm theo).

10. Chuyển nguồn vốn từ nguồn vượt thu tiền xổ số kiến thiết năm 2016 sang năm 2017 để thanh toán KLHT cho dự án, công trình.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển phần vốn còn lại từ nguồn vượt thu xổ số kiến thiết năm 2016 sang năm 2017, với số tiền là **7.562,728 triệu đồng** để bổ sung vào kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2017 và bố trí trả nợ khối lượng hoàn thành cho các dự án để giảm bớt nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc nhiệm vụ của ngân sách tỉnh.

(Chi tiết cụ thể như phụ lục 05,06,07 kèm theo).

11. Chủ trương đầu tư Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tỉnh Bình Định.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 205/TTg-QHQT ngày 10/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đề xuất gói hỗ trợ “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”;

Căn cứ Văn bản số 987/BKHĐT-KTĐN ngày 13/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc gói hỗ trợ “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung” vay vốn WB;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại Tỉnh Bình Định như nội dung Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh và phụ lục danh mục đầu tư kèm theo. Cụ thể như sau:

11.1. Mục tiêu đầu tư:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Khắc phục những thiệt hại do thiên tai, khôi phục lại sản xuất, đảm bảo an toàn và ổn định đời sống người dân bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ, hạn hán, và không để người dân trong tỉnh cũng như toàn tỉnh bị "tụt lại phía sau" so với tiến độ phát triển và mức sống trung bình của cả nước;

- Tăng cường khả năng chống bão và lũ cho những khu vực dễ bị tổn thương trong tương lai.

Các mục tiêu này sẽ đạt được thông qua: (i) phục hồi sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân thông qua việc khôi phục, cải tạo, nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, (ii) bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, và (iii) cung cấp các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, quản lý dự án cần thiết để vận hành hiệu quả các tiểu dự án đề xuất.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất (công trình thủy lợi, đê, kè sông, kè biển, kênh mương thủy lợi, khu tái định cư vùng sạt lở...) nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm các rủi ro do thiên tai gây ra.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

- Đảm bảo điều kiện về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh thông qua việc khôi phục, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình cung cấp nước sạch, tái định cư cho người dân các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Hỗ trợ tăng cường năng lực của Chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

11.2. Quy mô đầu tư:

a) Hợp phần 1: Phục hồi Công trình Phòng chống thiên tai

- Tiểu Hợp phần 1.1: Đê, kè

Hợp phần này sẽ tài trợ cho công tác phục hồi, tái thiết 51,75 km đê, kè sông, đê biển (bao gồm 35 công trình trên địa bàn 35/159 xã của 11/11 huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định) để khôi phục và tăng cường khả năng chống bão, lũ cho các công trình đê, đập, kè sông, đê biển theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, chủ động trong công tác phòng chống lụt bão trước mắt cũng như lâu dài; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh. Ngăn mặn, giữ ngọt để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ chống triều dâng và lụt bão cho người dân vùng bị ảnh hưởng. Tăng cường khả năng quản lý và kiểm soát bão, sóng tràn, triều dâng, úng ngập vào mùa mưa bão; Kết hợp giao thông trên mặt đê.

Hợp phần cũng hỗ trợ xây dựng 01 khu tái định cư tại huyện Tuy Phước với tổng diện tích 3,0 ha để di dời 100 hộ dân hiện đang sinh sống phía ngoài đê và các hộ ở các khu vực trũng thấp thường xuyên bị ngập lụt.

Chi tiết về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, quy mô, chi phí và đối tượng hưởng lợi dự kiến của từng công trình trong tiểu Hợp phần Đê, kè được thể hiện trong phần Phụ lục kèm theo.

- Tiểu Hợp phần 1.2: Tưới tiêu

Hợp phần này sẽ tài trợ cho công tác phục hồi, tái thiết 03 đập dâng trên sông, 2,502 km kênh tưới, 10,7 km kênh tiêu và 02 công trình cấp nước sạch (thực hiện tại các địa phương: Phù Cát, Tuy Phước, Tây Sơn, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn) và hệ thống kênh tưới Văn Phong-Thuận Ninh để khôi phục năng lực thiết kế và đảm bảo tưới tiêu chủ động theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành, chủ động trong công tác phòng chống lụt bão trước mắt cũng như lâu dài; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Dự án cũng sửa chữa, khôi phục 01 hệ thống cấp nước sinh hoạt với công suất $Q = 2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, tại huyện Phù Cát cấp nước sạch cho 19.000 người dân. Mở mạng từ hệ thống nước sạch của thị trấn An Lão đảm bảo cấp nước sạch cho 12.000 người.

Chi tiết về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, quy mô, chi phí và đối tượng hưởng lợi dự kiến của từng công trình trong tiểu Hợp phần tưới tiêu được thể hiện trong phần Phụ lục kèm theo.

- Tiểu Hợp phần 1.3: Giao thông

- Công trình Cầu: Xây dựng chín (09) công trình cầu.

Bao gồm (1) Cầu Trắng (Km 91+670, tuyến ĐT.639B tại Huyện Phù Cát); (2) Cầu Dịch Nghi (Km 17+415, tuyến ĐT.634 tại Huyện Phù Cát); (3) Cầu Suối Sạn, thị trấn Tam Quan, Huyện Hoài Nhơn; (4) Cầu Phú Sơn, Xã Hoài Hảo, Huyện Hoài Nhơn; (5) Cầu Bù Nú (Xã Bok Tới huyện Hoài Ân); (6) Cầu Trắng, Xã Phước Thuận, Huyện Tuy Phước; (7) Cầu An Mỹ (Km45+500 Trên tuyến ĐT.639 tại Huyện Phù Mỹ); (8) Cầu An Xuyên (Km46+020, tuyến ĐT.639 tại Huyện Phù Mỹ), và (9) Cầu Xéo (Km20+543 trên tuyến ĐT.630 tại Huyện Hoài Ân).

- Đường tỉnh: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng sáu (06) tuyến đường với quy mô đường cấp VI đồng bằng và đồi, tổng chiều dài $L = 65,5\text{km}$.

Bao gồm: (1) Tuyến ĐT.635 cũ (Quốc lộ 1 - Quốc lộ 19B), với $L=7,2\text{km}$; (2) Tuyến ĐT.629 (Bồng Sơn - An Lão), với $L=9,5\text{km}$; (3) Tuyến ĐT.640 (Ông Đô - Tuy Phước), với $L=8,0\text{km}$; (4) Tuyến ĐT.636B (Gò Bồi - Lai Nghi), với $L=5,5\text{km}$; (5) Tuyến ĐT.639 (Nhơn Hội - Tam Quan), với $L=4,91\text{km}$; và (6) Tuyến ĐT.639B (Chương Hòa - Nhơn Tân), với $L=8,2\text{km}$. (7) Sửa chữa đường Hùng Vương (Cầu Đồi - Ngã 3 Phú Tài); và (8) Sửa chữa đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội.

- Đường huyện/liên xã: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng chín (09) tuyến đường huyện/liên xã với tổng chiều dài $L=30,8 \text{ km}$.

Bao gồm (1) Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường ĐT.629 đi trung tâm xã Ân Sơn, Huyện Hoài Ân với quy mô Đường cấp VI miền núi theo TCVN 4054-

2005; L=7,4km; (2) Nâng cấp ĐH42, thị trấn Tuy Phước, xã Phước Quang, quy mô Đường cấp VI miền núi theo TCVN 4054-2005; với L=11,5km; (3) Sửa chữa, nâng cấp đường Kim Sơn - Bok Tới, quy mô Đường cấp VI miền núi theo TCVN 4054-2005; với L=5,0; (4) Đường từ đập đầu mồi Hồ Định Bình đến trung tâm UBND xã Vĩnh Sơn, dự án sẽ *khôi phục lại các đoạn bị sạt lở nghiêm trọng* theo quy mô Đường cấp VI miền núi theo TCVN 4054-2005;; (5) Đường thôn 1-3 xã Ân Nghĩa, xã Ân Nghĩa huyện An Lão, tỉnh Bình Định, theo quy mô Đường GTNT loại A, L=4km; (6) Đường từ trung tâm xã Bình Tân đi làng M6, xã Bình Tân, quy mô đường GTNT loại C theo TCVN:10380; L=13,4km; (7) Đường phía Tây huyện từ thôn Thịnh Văn 1 đến làng Suối Đá; quy mô Đường cấp VI miền núi theo TCVN 4054-2005 và L=5,59km; (8) Đường O5 - Kon Trú, quy mô Đường GTNT loại B theo TCVN10380; xây dựng cầu bản L=6m; và (9) Đường Bồng Sơn – Hoài Hải, với quy mô đường cấp VI đồng bằng (TCVN4054-2005) và L=10,85km.

Chi tiết về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, quy mô, chi phí và đối tượng hưởng lợi dự kiến của từng công trình trong tiểu Hợp phần giao thông được thể hiện trong phần Phụ lục kèm theo.

b) Hợp phần 3: Tăng cường năng lực

Để quản lý tốt các công trình được xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động phòng chống thiên tai, Dự án sẽ tài trợ một khoản ngân sách từ nguồn vốn đối ứng của tỉnh để tiến hành một số hoạt động như đào tạo, tăng cường năng lực, truyền thông cộng đồng và chi phí ban đầu cho các hoạt động O&M. Các hoạt động này sẽ hỗ trợ việc vận hành và quản lý công trình một cách bền vững trong giai đoạn sau này.

c) Hợp phần 3: Quản lý Dự án

Hợp phần sẽ bao gồm chi phí quản lý dự án trong đó có chi phí giám sát và đánh giá dự án; kiểm toán; quản lý hệ thống thông tin; đào tạo quản lý dự án, mua sắm và tài chính; thiết bị văn phòng và liên lạc. Hợp phần cũng bao gồm chi phí triển khai và quản lý dự án, trong đó có các tư vấn kỹ thuật, thiết kế, giám sát chất lượng công trình.

11.3. Loại và cấp công trình:

a) Tiểu Hợp phần 1.1: Đê, kè

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: Cấp II, III, IV.

b) Tiểu Hợp phần 1.2: Tưới tiêu

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: Cấp II, III, IV.

c) Tiểu Hợp phần 1.3: Giao thông

- Loại công trình: Công trình cầu – đường bộ giao thông.
- Cấp công trình: Cấp II - VI.

11.4. Địa điểm thực hiện dự án: tỉnh Bình Định.

11.5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 58.240.000 USD

(Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đô la Mỹ)

11.6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ODA và vốn đối ứng.

- Vốn ODA (vốn vay từ nguồn IDA của WB): cấp phát toàn bộ cho tỉnh):
52.000.000 USD

- Vốn đối ứng (100% ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% theo Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ):
6.240.000 USD

11.7. Các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:

- Vốn ODA (vốn vay từ nguồn IDA của WB): **52.000.000 USD** (tương đương khoảng 1.175.200 triệu đồng)

- Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% vốn đối ứng: **3.120.000 USD** (tương đương 70.512 triệu đồng) theo Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

(Tỷ giá: 1US\$ = 22.600 VND (theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước công bố tháng 2/2017)

11.8. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:

- Thực hiện dự án 04 năm kể từ khi ký Hiệp định (2017 – 2020).
- Thời gian bố trí vốn thực hiện và phân kỳ đầu tư theo dự án khởi công mới trung hạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn sau 2020.

11.9. Phương án giải phóng mặt bằng: Có phương án riêng kèm theo.

12. Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 2578/LĐTBXH-BTXH ngày 15/7/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc chấn chỉnh công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết cụ thể như phụ lục 08 kèm theo)

13. Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu năm 2017 và bổ sung lĩnh vực phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai thuộc các công trình dự án lĩnh vực ngành nông nghiệp phát triển nông thôn và ngành giao thông của tỉnh.

Căn cứ Kết luận số 545-TB/TU ngày 24/02/2017 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất chủ trương sử dụng 05 tỷ đồng từ nguồn chuẩn bị đầu tư 2017 để bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại các tỉnh miền Trung – tỉnh Bình Định”, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 (nguồn vốn của tỉnh), theo như kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

(Chi tiết như phụ lục kèm 09 kèm theo).

14. Nguồn vốn thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít thuộc các công trình dự án lĩnh vực ngành nông nghiệp phát triển nông thôn của tỉnh.

Căn cứ Công văn số 2245/BNK-KH ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 476-TB/TU ngày 12/12/2016 của Thường trực Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Hồ chứa nước Đồng Mít từ 2.527 tỷ đồng xuống còn 2.000 tỷ đồng, trong đó: Hợp phần bồi thường hỗ trợ tái định cư từ 833,54 tỷ đồng xuống còn 733,54 tỷ đồng;

Để đảm bảo theo Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn vốn để bố trí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít cụ thể như sau:

- Vốn Trái phiếu Chính phủ cấp cho tỉnh: 600 tỷ đồng.
- Vốn Ngân sách địa phương đối ứng và các nguồn vốn khác: 133,54 tỷ đồng.

15. Chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1).

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 666/BKHĐT-QLKKT ngày 28/01/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn với Dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1), tỉnh Bình Định;

Căn cứ Kết luận số 138-KL/TU ngày 06/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Định (khóa XIX);

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1). Cụ thể như sau:

15.1. Tên dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1)

15.2. Cơ quan quản lý, sử dụng sau đầu tư: Sở GTVT Bình Định.

15.3. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

+ Điểm đầu Km0: Nối tiếp với đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội hiện tại đã xây dựng (nay là QL19B), thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

+ Điểm cuối Km18+500: Giao với QL1A, thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Chiều dài tuyến $L = 18,5\text{Km}$ qua địa phận huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

15.4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư:

Góp phần phát triển, hoàn thiện mạng lưới giao thông cụm đô thị cửa ngõ phía Bắc thành phố Quy Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội.

Thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn huyện Phù Cát, thu hút đầu tư và lấp đầy khu kinh tế Nhơn Hội. Đáp ứng được yêu cầu vận tải ngày càng tăng lên của tiến trình phát triển kinh tế.

Tăng cường an ninh, quốc phòng: Bên cạnh QL19, tuyến đường nghiên cứu còn kết nối QL1A đi đường ven biển Bình Định nhằm đảm bảo có nhiều phương án sử dụng, vận chuyển đáp ứng yêu cầu quốc phòng trong tương lai.

b) Quy mô đầu tư: Xây dựng hoàn thiện nền mặt đường

- Vận tốc thiết kế: 80Km/h .

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$.

+ Bề rộng dải an toàn: $B_{at} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

+ Bề rộng dải phân cách giữa (bố trí cây xanh và chiếu sáng): $B_{dpc} = 4,5m$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{lề đất} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

- Lưu ý: Dự án phải được khảo sát, đánh giá chính xác tác động do lũ lụt gây ra những năm có đỉnh lũ cao nhất, tính toán cốt nền đường và bố trí cầu cống khẩu độ phù hợp, đảm bảo thoát lũ, không gây ngập úng và không ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

15.5. Tổng mức đầu tư: Đoạn từ Km0 – Km4 thuộc dự án 1, giai đoạn 1 (theo Kết luận số 138-KL/TU ngày 06/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Định) **775 tỷ đồng.**

15.6. Nguồn vốn đầu tư:

- Đoạn Km0 – Km4 (trong phạm vi Khu kinh tế Nhơn Hội) sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2016-2020 là 385 tỷ đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác).

- Dự án 2, giai đoạn 1 (theo Kết luận số 138-KL/TU ngày 06/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Định), Đoạn Km4 – Km18+500 (giao với QL1A) được đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP (dự án BT có sự hỗ trợ của Nhà nước).

15.7. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2016 – 2020.

16. Chủ trương đầu tư Công trình: Đê sông An Lão (đoạn An Hòa - giai đoạn 2).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư vốn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong đó, kèm theo phụ lục 06 về Danh mục các dự án đầu tư từ ngân sách địa phương năm 2017 phân bổ kế hoạch vốn năm 2017 Đê sông An Lão (đoạn An Hòa - giai đoạn 2) là 5.000.000.000 đồng.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư Công trình: Đê sông An Lão (đoạn An Hòa - giai đoạn 2). Cụ thể như sau:

16.1. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.

a) Mục tiêu đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng công trình mang tính tích cực trong việc phòng chống bão lụt bảo vệ trực tiếp an toàn tính mạng cho hơn 1000 hộ dân sống ven sông trong vùng dự án và khoảng 150ha đất sản xuất trong vùng, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong khu vực, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong vùng. Khi dự án hình thành sẽ cải tạo được môi trường sinh thái trong vùng, bờ đê còn góp phần cải thiện giao thông thuận lợi hơn cho người dân đi lại trong vùng dự án và các vùng lân cận. Tạo quỹ đất và tạo đà phát triển kinh tế - xã hội cho huyện An Lão nói riêng, tỉnh Bình Định nói chung.

b) Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp V
- Tần suất thiết kế lũ: $P = 5\%$
- Mức bảo đảm thiết kế $P = 95\%$
- Xây dựng tuyến đê sông đoạn hạ lưu cầu An lão, tổng chiều dài $\sum L = 2.300,50\text{m}$, với các thông số kỹ thuật như sau:

+ Tuyến đê bờ tả (phía An Hòa):

- Chiều dài tuyến $L = 1.500,00\text{m}$
 - Chiều cao đê : $4,0 - 3,0\text{ m}$
 - Thân đê đắp đất đầm chặt $\gamma_k \geq 1,75\text{T/m}^3$
 - Mặt đê = $5,0\text{m}$, đắp đất đầm chặt K.95, kết hợp làm đường giao thông.
- Độ dốc mặt $i = 2\%$

- Mái đê phía sông; $m=2,0$: Gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn nằm trong khung vây BTCT, có phân khoảng để thoát nước mái

- Mái đê phía đồng trồng cỏ
- Chân đê: xử lý bằng chân khay bê tông M200, bên ngoài được gia cố rọ đá

+ Tuyến đê bờ hữu (phía Thuận Hoà – Thuận An):

- Chiều dài tuyến $L = 800,50\text{m}$
- Chiều cao đê : $4,0\text{ m}$
- Thân đê đắp đất đầm chặt $\gamma_k \geq 1,75\text{T/m}^3$
- Mặt đê = $4,0\text{m}$, đắp đất đầm chặt K.95, không kết hợp làm đường giao thông. Độ dốc mặt $i = 2\%$

- Mái dè phía sông; m=2,0: Gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn nằm trong khung vây BTCT, có phân khoảng để thoát nước mái
- Mái dè phía đồng trồng cỏ
- Chân dè: xử lý bằng chân khay bê tông M200, bên ngoài được gia cố rọ đá.

16.2. Địa điểm đầu tư: huyện An Lão - tỉnh Bình Định

16.3. Phạm vi đầu tư:

- Tuyến dè bờ tả (phía An Hòa): điểm đầu từ điểm cuối tuyến dè đã đầu tư giai đoạn 1 đến hết thôn Vạn Long.
- Tuyến dè bờ hữu (phía Thuận Hoà – Thuận An): Điểm đầu từ cầu Thuận An đến giáp kè Thuận hòa đã đầu tư trước đó.

16.4. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công:

a) *Dự kiến Tổng mức đầu tư:* 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

b) *Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:* Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện đối ứng từ nguồn 30a/2008/NQ-CP.

c) *Khả năng cân đối vốn đầu tư công:*

Đơn vị tính: Đồng

Năm	Vốn ngân sách do tỉnh quản lý	Vốn Chương trình 30a/2008/NQ-CP
2016-2017	5.000.000.000	2.000.000.000
2018	5.000.000.000	3.000.000.000
2019	5.000.000.000	2.500.000.000
2020	5.000.000.000	2.500.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	10.000.000.000

16.5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư: từ năm 2016-2020.

- Năm 2016: Hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư;
- Từ năm 2017-2018: Thi công xây dựng công trình.

16.6. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

- Tuyến dè do UBND huyện An Lão quản lý. Vì vậy, UBND huyện An Lão chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng và duy tu tuyến dè.
- Lao động, thiết bị duy tu bảo dưỡng tuyến dè và nhà quản lý tổ chức duy tu hoạt động dưới sự điều hành của UBND huyện An Lão, kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp theo định kỳ bằng nguồn vốn duy tu, sửa chữa dè hàng năm.

16.7. Phân chia các dự án thành phần: Không.

16.8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện An Lão.
- Phương thức thực hiện: Theo quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

17. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương cho lập thủ tục bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 và cho Công ty TNHH Phú Hiệp và Công ty CP Khoáng sản Biotan thuê đất để khai thác titan theo Giấy phép số 1159/GP-BTNMT ngày 02/6/2008 và Giấy phép số 422/GP-BTNMT ngày 11/3/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp. Trong đó:

- Công ty TNHH Phú Hiệp thuê 08ha
- Công ty CP khoáng sản Biotan thuê 9,1ha

Tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

Đồng thời đề nghị UBND tỉnh rà soát, tổng hợp trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 theo Nghị quyết số 39/2016 NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Khóa XII vào kỳ họp cuối năm 2017.

18. Chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2016 còn lại sang năm 2017 để thực hiện công tác GPMB và tái định cư giai đoạn 1 của dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương cho chuyển nguồn kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 của dự án Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn từ năm 2016 còn lại sang năm 2017 với số tiền 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng) để tiếp tục thực hiện.

19. Chuyển kinh phí bồi thường, GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh, từ năm 2016 còn lại sang năm 2017 tiếp tục thực hiện.

Để giải quyết nhu cầu bức xúc nguồn kinh phí chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và đẩy nhanh tiến độ thi công dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh

thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh cho chuyển nguồn kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án nêu trên từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2016 còn lại sang năm 2017, với số tiền 4.210.210.000 đồng (*Bốn tỷ, hai trăm mười triệu, hai trăm mười ngàn đồng*), để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D, đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe liên tỉnh.

20. Quy định tạm thời việc thu lệ phí đăng ký kinh doanh.

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí; Đồng thời để kịp thực hiện mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định mức thu tạm thời về thu lệ phí đăng ký hộ kinh doanh là 100.000 ngàn đồng/lần đăng ký.

Cơ quan, đối tượng thu: Áp dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính.

Về việc thu, nộp lệ phí: Toàn bộ số thu lệ phí được nộp vào ngân sách nhà nước và phân chia theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành (thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật phí và lệ phí).

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chuẩn bị và xây dựng Đề án thu phí và lệ phí cần ban hành, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với chế độ nhà nước quy định hiện hành để trình HĐND tỉnh.

21. Chủ trương đầu tư Dự án Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại Km1145 +540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 14/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Danh mục và mức kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ tiếp tục còn dư giai đoạn 2014-2016 của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 2261/TTg-KTTH ngày 15/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Dự án đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại KM1145+540 của huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới tại Km1145 +540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn. Cụ thể như sau:

a) Tên dự án: Đường kết nối giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới, tại Km1145+540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

b) Cơ quan quản lý, sử dụng sau đầu tư: UBND huyện Hoài Nhơn.

c) Địa điểm đầu tư

- *Địa điểm:* Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Phạm vi thực hiện dự án:* Tổng chiều dài tuyến khoảng: $L = 1.953,0\text{m}$.

+ Điểm đầu giao đường gom khu dân cư Bàu Rong và Quốc lộ 1 mới tại Km1145+540.

+ Điểm cuối tại điểm giao với đường Quốc lộ 1 cũ tại vị trí phía Bắc đầu cầu Bồng Sơn (cũ) trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Xây dựng khu tái định cư dọc theo tuyến và các tuyến nhánh nhằm tạo quỹ đất phục vụ tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng của tuyến đường.

d) Mục tiêu đầu tư

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ của huyện Hoài Nhơn nói riêng, tỉnh Bình Định nói chung.

- Kết nối giao thương giữa Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn.

- Từng bước đồng bộ, hoàn thiện hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng của thị trấn Bồng Sơn, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đi lại từ trung tâm thị trấn ra Quốc lộ 1; phát triển kinh tế dọc hai bên tuyến đường đi qua, góp phần phát triển huyện Hoài Nhơn trở thành thị xã phía Bắc của tỉnh Bình Định trong thời gian đến.

e) Quy mô đầu tư xây dựng

Tổng chiều dài tuyến khoảng: $L = 1.953\text{m}$ (*Điểm đầu giao đường gom khu dân cư Bàu Rong và Quốc lộ 1 mới tại Km1145+540. Điểm cuối tại điểm giao với đường Quốc lộ 1 cũ tại vị trí phía Bắc đầu cầu Bồng Sơn (cũ) trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*). Xây dựng các công trình theo tuyến và các công trình phụ trợ khác phục vụ giải phóng mặt bằng, tái định cư, đảm bảo an toàn giao thông. Quy mô đầu tư như sau:

**Tuyến đường:*

+ Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 30,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 2 \times 3,5 + 2 \times 2,0 = 18,0\text{m}$;

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 4,5 = 9,0\text{m}$;

+ Bề rộng giải phân cách: $B_{\text{GPC}} = 2,0 + 0,5 \times 2 = 3,0\text{m}$.

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng có phủ lớp bê tông nhựa; móng cấp phối đá dăm; nền đường đắp cấp phối sỏi dôi đầm chặt K98.

+ Lề đường đắp CPĐ K95 trên cùng lát đá hoặc gạch.

- Thiết kế nút giao tại Quốc lộ 1 mới kết nối với đường gom khu dân cư Bàu Rong thị trấn Bồng Sơn, vượt nối bán kính vào các nút giao và các tuyến đường hiện trạng. Kết cấu nền mặt đường trong phạm vi nút giao như kết cấu nền mặt đường trên tuyến thiết kế.

- Xây dựng bó vỉa hè và bó vỉa dải phân cách giữa trên tuyến.

** Công trình trên tuyến:*

- Cầu qua kênh Lại Giang:

+ Tổng chiều dài cầu khoảng $L = 27,1\text{m}$;

+ Bề rộng cầu: $B = 22,0\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93;

+ Kết cấu nhịp bằng dầm BTCT; Mô dạng chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ;

- Xây dựng khu tái định cư với diện tích trung bình mỗi lô $(5 \times 20) = 100\text{m}^2$ nhằm phục vụ tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Xây dựng các tuyến đường nội bộ trong khu tái định cư với tổng chiều dài khoảng 1.017,09m. Với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 9.5-15.5\text{m}$, kết cấu mặt đường bê tông xi măng có phủ lớp bê tông nhựa; móng cấp phối đá dăm; nền đường đắp cấp phối sỏi đồi đầm chặt K98. Lề đường CPĐ K95 trên cùng lát đá hoặc gạch.

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước và hào kỹ thuật bằng công hộp BTCT, cống ngang qua đường bằng ống BTLT tải trọng H30. Hố ga bằng BTCT đổ tại chỗ, các hố ga đều kết hợp với hố thu ngăn mùi kiểu mới đảm bảo thoát nước trên tuyến.

+ Cống kỹ thuật: Trên tuyến xây dựng các cống kỹ thuật qua đường bằng kết cấu bê tông kết cốt thép đổ tại chỗ.

+ Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mặt trên tuyến. Nước thải được thu gom bằng hệ thống HDPE.

- Hệ thống điện: Xây dựng tuyến điện chiếu sáng trên tuyến được bố trí chạy dọc trên dải phân cách giữa các tuyến khu tái định cư được bố trí trên vỉa hè. Xây dựng các trạm biến áp phù hợp với quy định của lưới điện lực.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt để cung cấp nước cho khu dân cư trong khu vực dự án; vật liệu bằng ống HPDE.

- Trồng cây xanh, hoa trang trí trên dải phân cách giữa và hai bên vỉa hè.

- Trên tuyến và khu tái định cư bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo theo đúng các quy định.

- Cổng chào: Xây dựng 01 cổng chào trên tuyến chính, vị trí gần điểm giao với đường Quốc lộ 1 mới tại Km1145+540. Kết cấu bằng BTCT.

- Các công trình phụ trợ, đảm bảo an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ các hạng mục trên tuyến theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

g. Tổng mức đầu tư: 197.327.682.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

h. Nguồn vốn

- Vốn trái phiếu Chính phủ tiếp tục còn dư giai đoạn 2014-2016 của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 14/10/2016 là: **110.000.000.000 đồng**;

- Phần vốn còn lại do ngân sách huyện Hoài Nhơn, ngân sách thị trấn Bồng Sơn cân đối trong giai đoạn 2017-2020 là: **87.327.682.000 đồng**.

i. Tiến độ thực hiện và hoàn thành dự án: Năm 2017 – 2019.

k. Hình thức đầu tư của dự án: Theo Luật Đầu tư công

22. Mua 01 xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng Thành ủy Quy Nhơn để quản lý, sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 2676/BTC-QLCS ngày 28/02/2017 về việc hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 và nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản công;

Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh thống nhất với UBND tỉnh về chủ trương Văn phòng Thành ủy Quy Nhơn mua sắm mới 01 xe ô tô phục vụ công tác chung. Giá mua xe theo quy định chung của nhà nước tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn vốn thực hiện: Từ ngân sách thành phố Quy Nhơn (không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chi ngân sách thành phố năm 2017 theo kế hoạch đã được HĐND thành phố giao).

23. Chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2016 và kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2016 chưa thực hiện hết sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện.

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2016 và kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2016 chưa thực hiện hết sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện. Cụ thể như sau:

a) Kế hoạch vốn giao năm 2016 chuyển nguồn sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện là 61.470.688.089 đồng, bao gồm:

- Dự toán: 18.839.686.589 đồng

- Dự toán tạm ứng theo chế độ: 42.631.001.500 đồng

b) Kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài sang năm 2016 chưa thực hiện hết chuyển sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện là 14.518.716.145 đồng, bao gồm:

- Dự toán: 13.426.199.145 đồng

- Dự toán tạm ứng theo chế độ: 1.092.517.000 đồng

(Danh mục chi tiết như phụ lục 10 kèm theo)

Để xử lý kết dư ngân sách năm 2017 khi chuyển nguồn kế hoạch năm 2016 và các năm trước sang, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Đối với các nguồn vốn cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của cấp chính quyền địa phương, HĐND tỉnh thống nhất chủ trương áp dụng quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 để quy định kế hoạch chuyển nguồn.

b) Đối với Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm trước được phép kéo dài sang năm 2016 chưa thực hiện hết, theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ chỉ thực hiện nguồn này trong 02 năm. Tuy nhiên, do tình hình nay còn khó khăn về nguồn vốn nên HĐND tỉnh thống nhất chuyển sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện.

c) Trên cơ sở kế hoạch chuyển nguồn, đề nghị UBND tỉnh tiến hành rà soát tình hình thực hiện, nếu dự án nào hết khối lượng thanh toán hoặc không thể thực hiện trong năm 2017 thì sẽ điều chỉnh kế hoạch vốn kéo dài để trả nợ khối lượng hoàn thành cho các dự án khác.

24. Bổ sung diện tích đất 5.546m vào danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Căn cứ Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 quy định các công trình dự án có sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất

rừng đặc dụng phải được HĐND tỉnh thông qua; Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 quy định các dự án nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải được HĐND tỉnh chấp thuận;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh, để đáp ứng nhu cầu cấp thiết phục vụ cho đời sống dân sinh. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thỏa thuận Bổ sung diện tích đất của dự án là 5.546m² bao gồm: 1.784m² đất sản xuất nông nghiệp và 3.762m² đất lâm nghiệp thuộc địa bàn xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ vào Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Diện tích đất trên để Ban Quản lý lưới điện Miền Trung- Tổng công ty điện lực miền Trung sử dụng để xây dựng các móng trụ đường dây 110Kv đấu nối sau trạm biến áp 220KV tại xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh tổng hợp các dự án sẽ trình bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 trình HĐND tỉnh cuối năm.

25. Mua 01 xe ô tô chuyên dùng cho Văn phòng HĐND và UBND thành phố Quy Nhơn để quản lý, sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương cho Văn phòng HĐND và UBND thành phố Quy Nhơn mua sắm mới 01 xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai, phục vụ an ninh quốc phòng và nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Giá mua xe theo quy định chung của nhà nước tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguồn vốn thực hiện: Từ ngân sách thành phố Quy Nhơn (không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chi ngân sách thành phố năm 2017 theo kế hoạch đã được HĐND thành phố giao).

26. Chủ trương đầu tư Dự án: Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định. Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 730/TTg-NN ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 4401/BKHDT-KHGD TNMT ngày 31/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định, với các nội dung chính sau:

a. Tên dự án: Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định.

b. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định.

d. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định

e. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

g. Địa điểm thực hiện dự án: Các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Tuy Phước,

Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

h. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

i. Nguồn vốn thẩm định: Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.

k. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn thẩm định: Công trình Nông nghiệp và PTNT.

l. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2017-2020.

m. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

27. Chủ trương đầu tư Dự án Dự án: Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 730/TTg-NN ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 4401/BKHDT-KHGD TNMT ngày 31/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư Dự án: Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Cụ thể như sau:

- a. **Tên dự án:** Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang..
- b. **Dự án nhóm:** B.
- c. **Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** UBND tỉnh Bình Định.
- d. **Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh Bình Định
- e. **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.
- g. **Địa điểm thực hiện dự án:** Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- h. **Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 220.000.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tỷ đồng).
- i. **Nguồn vốn thẩm định:** Vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.
- k. **Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn thẩm định:** Công trình Nông nghiệp và PTNT.
- l. **Thời gian thực hiện đầu tư:** Năm 2017-2020.
- m. **Hình thức đầu tư của dự án:** Đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

28. Kinh phí hỗ trợ mua xe ô tô chuyên dùng cho Công an tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương hỗ trợ kinh phí cho Công an tỉnh số tiền **400 triệu đồng** (Bốn trăm triệu đồng).

- Về thẩm quyền mua xe: Bộ Công an quyết định theo thẩm quyền.
- Tiêu chuẩn, định mức và giá mua xe căn cứ theo Thông tư số 48/2016/TT-BCA ngày 23/11/2016 của Bộ Công an.

Lưu ý: UBND tỉnh phải đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ, nội dung chi ngân sách theo kế hoạch thu, chi ngân sách HĐND tỉnh đã Quyết nghị tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 của HĐND tỉnh./.



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, BÃI NGANG, HẢI ĐẢO - GIAI ĐOẠN 2017-2020, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (số phòng)	Thời gian KC-HT	KHAI TOÁN DỰ ÁN		Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2017-2020				Ghi chú
					TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Các nguồn vốn khác	
					Tổng số	Trong đó: Vốn TPCP		Vốn TPCP giai đoạn 2017-2020	Vốn NSDP		
A	Dự án: Đầu tư xây dựng Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo, giai đoạn 2017-2020, tỉnh Bình Định		251		144.700	130.000	144.700	130.000	14.700		
A.1	Phân bổ 90%				144.700	130.000	130.230	117.000	13.230		
(1)	Đầu tư xây dựng Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo, giai đoạn 2017-2020, tỉnh Bình Định (Hạng mục: XD 251 phòng học mầm non, tiểu học)	An Lão, Vĩnh Thạnh, Văn Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn, Quy Nhơn	251		144.700	130.000	130.230	117.000	13.230		
I	Huyện An Lão		23	-	12.700	11.430				-	
I.1	Mầm non		4	-	3.200	2.880				-	
1	Trường Mầm non An Nghĩa	Xã An Nghĩa	1	2017-2020	800	720					
2	Trường Mầm non An Quang	Xã An Quang	1	2017-2020	800	720					
3	Trường Mầm non An Trung	Xã An Trung	2	2017-2020	1.600	1.440					
I.2	Tiểu học		19	-	9.500	8.550				-	
1	Trường Tiểu học An Hòa 1	Xã An Hòa	2	2017-2020	1.000	900					
2	Trường Tiểu học An Nghĩa	Xã An Nghĩa	3	2017-2020	1.500	1.350					
3	Trường Tiểu học An Quang	Xã An Quang	2	2017-2020	1.000	900					
4	Trường Tiểu học An Toàn	Xã An Toàn	2	2017-2020	1.000	900					
5	Trường Tiểu học An Trung	Xã An Trung	2	2017-2020	1.000	900					
6	Trường Tiểu học An Vinh	Xã An Vinh	4	2017-2020	2.000	1.800					
7	Trường tiểu học An Hưng	Xã An Hưng	4	2017-2020	2.000	1.800					
II	Huyện Vĩnh Thạnh		37	-	21.500	19.350				-	
II.1	Mầm non		10	-	8.000	7.200				-	
1	Trường Mầm non Vĩnh Hảo	Xã Vĩnh Hảo	3	2017-2020	2.400	2.160					
2	Trường Mầm non Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	2	2017-2020	1.600	1.440					
3	Trường Mầm non Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	1	2017-2020	800	720					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (số phòng)	Thời gian KC-HT	KHAI TOÁN DỰ ÁN		Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2017-2020				Ghi chú
					TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Các nguồn vốn khác	
					Tổng số	Trong đó: Vốn TCP		Vốn TCP giai đoạn 2017-2020	Vốn NSDP		
4	Trường Mầm non Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	1	2017-2020	800	720					
5	Trường Mầm non Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	2	2017-2020	1.600	1.440					
6	Trường Mầm non Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang	1	2017-2020	800	720					
II.2	Tiểu học		27	-	13.500	12.150					-
1	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận	Xã Vĩnh Thuận	5	2017-2020	2.500	2.250					
2	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Hiệp	5	2017-2020	2.500	2.250					
3	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa	2	2017-2020	1.000	900					
4	Trường Tiểu học Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	7	2017-2020	3.500	3.150					
5	Trường Tiểu học Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	6	2017-2020	3.000	2.700					
6	Trường Tiểu học Vĩnh Hào	Xã Vĩnh Hào	2	2017-2020	1.000	900					
III	Huyện Vân Canh		15	-	10.200	9.180					-
III.1	Mầm non		9	-	7.200	6.480					-
1	Trường Mầm non Canh Hòa	Xã Canh Hòa	2	2017-2020	1.600	1.440					
2	Trường Mầm non Canh Liên	Xã Canh Liên	5	2017-2020	4.000	3.600					
3	Trường Mầm non Canh Thuận	Xã Canh Thuận	2	2017-2020	1.600	1.440					
III.2	Tiểu học		6	-	3.000	2.700					-
1	Trường Tiểu học Canh Liên	Xã Canh Liên	3	2017-2020	1.500	1.350					
2	Trường Tiểu học Canh Thuận	Xã Canh Thuận	3	2017-2020	1.500	1.350					
IV	Huyện Hoài Ân		30	-	18.600	16.740					-
IV.1	Mầm non		12	-	9.600	8.640					-
1	Trường Mầm non Ân Nghĩa	Xã Ân Nghĩa	6	2017-2020	4.800	4.320					
2	Trường Mầm non Vũng Cao	Xã Bok Tới	6	2017-2020	4.800	4.320					
IV.2	Tiểu học		18	-	9.000	8.100					-
1	Trường Tiểu học số 1 Ân Nghĩa	Xã Ân Nghĩa	8	2017-2020	4.000	3.600					
2	Trường Tiểu học Bok Tới	Xã Bok Tới	6	2017-2020	3.000	2.700					
3	Trường Tiểu học Đăk Mang	Xã Đăk Mang	4	2017-2020	2.000	1.800					
V	Huyện Tây Sơn		8		4.600	4.140					
V.1	Mầm non		2	2017-2020	1.600	1.440					-
1	Trường Mầm non Vĩnh An	Xã Vĩnh An	2	2017-2020	1.600	1.440					
V.2	Tiểu học		6	2017-2020	3.000	2.700					-
1	Trường Tiểu học Vĩnh An	Xã Vĩnh An	6	2017-2020	3.000	2.700					
VI	Huyện Phù Mỹ		59	-	33.400	30.060					-
VI.1	Mầm non		13	-	10.400	9.360					-
1	Trường Mầm non Mỹ Châu	Xã Mỹ Châu	3	2017-2020	2.400	2.160					
2	Trường Mầm non Mỹ Cát	Xã Mỹ Cát	3	2017-2020	2.400	2.160					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (số phòng)	Thời gian KC-HT	KHAI TOÁN DỰ ÁN				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2017-2020				Ghi chú
					TMBT		Trong đó:		Trong đó:		Các nguồn vốn khác		
					Tổng số	Trong đó: Vốn TP.CP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn TP.CP giai đoạn 2017-2020	Vốn NSDP				
3	Trường Mầm non Mỹ Thắng	Xã Mỹ Thắng	2	2017-2020	1.600	1.440							
4	Trường Mầm non Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	2	2017-2020	1.600	1.440							
5	Trường Mầm non Mỹ Đức	Xã Mỹ Đức	3	2017-2020	2.400	2.160							
VI.2	Tiểu học		46	-	23.000	20.700						-	
1	Trường Tiểu học Mỹ An	Xã Mỹ An	8	2017-2020	4.000	3.600							
2	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	10	2017-2020	5.000	4.500							
3	Trường Tiểu học số 1 Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	6	2017-2020	3.000	2.700							
4	Trường Tiểu học Mỹ Đức	Xã Mỹ Đức	8	2017-2020	4.000	3.600							
5	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Châu	Xã Mỹ Châu	4	2017-2020	2.000	1.800							
6	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Thọ	Xã Mỹ Thọ	4	2017-2020	2.000	1.800							
7	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Lợi	Xã Mỹ Lợi	6	2017-2020	3.000	2.700							
VII	Huyện Phù Cát		41	-	24.100	21.690						-	
VII.1	Mầm non		12	-	9.600	8.640						-	
1	Trường Mầm non Cát Thành	Xã Cát Thành	4	2017-2020	3.200	2.880							
2	Trường Mầm non Cát Minh	Xã Cát Minh	3	2017-2020	2.400	2.160							
3	Trường Mầm non Cát Khánh	Xã Cát Khánh	3	2017-2020	2.400	2.160							
4	Trường Mầm non Cát Chánh	Xã Cát Chánh	2	2017-2020	1.600	1.440							
VII.2	Tiểu học		29	-	14.500	13.050						-	
1	Trường Tiểu học Cát Hải	Xã Cát Hải	8	2017-2020	4.000	3.600							
2	Trường Tiểu học Cát Chánh	Xã Cát Chánh	3	2017-2020	1.500	1.350							
3	Trường Tiểu học số 1 Cát Minh	Xã Cát Minh	6	2017-2020	3.000	2.700							
4	Trường Tiểu học số 2 Cát Khánh	Xã Cát Khánh	6	2017-2020	3.000	2.700							
5	Trường Tiểu học Cát Thành	Xã Cát Thành	6	2017-2020	3.000	2.700							
VIII	Huyện Hoài Nhơn		36	-	18.000	16.200						-	
VIII.1	Mầm non		-	-	-	-						-	
VIII.2	Tiểu học		36	-	18.000	16.200						-	
1	Trường Tiểu học Hoài Hải	Xã Hoài Hải	10	2017-2020	5.000	4.500							
2	Trường Tiểu học số 1 Hoài Mỹ	Xã Hoài Mỹ	10	2017-2020	5.000	4.500							
3	Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh	Xã Hoài Thanh	8	2017-2020	4.000	3.600							
4	Trường Tiểu học số 3 Hoài Hương	Xã Hoài Hương	8	2017-2020	4.000	3.600							
IX	TP Quy Nhơn		2	2017-2020	1.600	1.210						-	
IX.1	Mầm non		2	2017-2020	1.600	1.210						-	
1	Trường Mầm non Nhơn Châu	Xã Nhơn Châu	2	2017-2020	1.600	1.210							
A.2	Tiết kiệm 10% theo NQ 89/NQ-CP, chưa phân bổ (tính trên tổng mức đầu tư/dự án)						14.470	13.000	1.470		-		

for



PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Định)

TT	Hạng mục HTKT	Giá trị thực hiện	Đã bố trí kế hoạch vốn (đợt 1)	Giá trị còn lại chưa được bố trí kế hoạch vốn	Đề nghị bố trí kế hoạch vốn (đợt 2)	Ghi chú
1	HTKT Khu TĐC Vườn ươm	1.334	655	0.679	0.679	Đã bố trí đủ KLHT
2	HTKT Khu TĐC Vườn rau	5.270	5.270			Đã bố trí đủ KLHT
3	HTKT Khu TĐC phía Đông núi Mồ Côi	29.258	5.352	23.906	3.644	
	Tổng cộng	36.852	11.277	24.585	4.323	Tổng số tiền thu được 15.600 triệu đồng

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 HĐND tỉnh Bình Định)

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Đề nghị bố trí vốn đợt này (làm tròn)
	<u>TỔNG CỘNG</u>		50.000
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào Nhà máy may Hoài Ân	UBND huyện Hoài Ân	2.000
2	Nâng cấp, mở rộng đường vào trang trại nuôi heo công nghiệp công nghệ cao		1.000
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mộc Bài - Mỹ Thành		1.000
4	Cầu bến Bằng Lăng		1.000
5	Bệnh viện Y học Cổ truyền Bình Định	Sở Y tế	2.000
6	Nhà tù Phú Tài	Sở VH, TD & TT	3.000
7	Kết cấu hạ tầng khu TĐC phục vụ KCN Nhơn Hòa	UBND thị xã An Nhơn	1.000
8	Kè bờ sông Văn Lăng, đoạn thôn Lộc Thuận xã Nhơn Hạnh đến Gò Ứng xã Phước Thắng		800
9	Khu tái định cư vùng thiên tai Nhơn Hải (mở rộng)	UBND thành phố Quy Nhơn	1.000
10	Cải tạo, nâng cấp Nhà ăn - bếp thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	400
11	Nhà làm việc Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	1.000
12	Đội quản lý thị trường số 1	Sở Công thương	1.000
13	Đê kè chống xói lở biển Tam Quan giai đoạn 2	UBND huyện Hoài Nhơn	10.000
14	Kè chống xói lở thôn Công Thạnh (giai đoạn 2), xã Tam Quan Bắc		2.080
15	Đập dâng ngã ba cầu Tiến, xã Hoài Châu Bắc		1.000
16	Cầu Tân Hòa xã Cát Tân huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát	1.300
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hóc Xeo		3.000
18	Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh (đoạn hạ lưu tràn xã lũ hồ Hội Sơn)		860
19	Cầu Lò Ô, huyện Phù Cát		2.000
20	Kênh tiêu úng Bàu Chánh Trạch		1.500
21	Đập dâng Đập Trị		500

22	Cải tạo hệ thống kênh T (đoạn từ cầu Cho đến cầu Đá)	UBND huyện Phù Mỹ	1.360
23	Tuyến đường liên xã từ thôn Vĩnh Bình xã Mỹ Phong đến giáp tuyến đường ĐT 632 xã Mỹ Lợi		1.500
24	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường giao thông chính từ Quốc lộ 1A thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đi đường phía Tây tỉnh		1.000
25	Mở rộng đường ống cấp nước công trình sinh hoạt xã Mỹ Châu		1.500
26	Đê biển Nam hạ lưu đập Nha Phu	UBND huyện Tuy Phước	800
27	Đê sông Kôn đoạn hạ lưu tràn 3 xã		1.580
28	Kè chống sạt lở đê hạ lưu cầu Vạn (giai đoạn 2)		1.500
29	Kè đê sông Hà Thanh đoạn từ nhà ông Thành đến nhà ông Sơn làng Hiệp Giao	UBND huyện Vân Canh	1.000
30	Đường Canh Lãnh - Suối Đá - Suối Dốt, huyện Vân Canh		1.000
31	Phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành (Sở Tài chính)	Sở Tài chính	1.000
32	Di dời hệ thống điện (thuộc dự án mở rộng đường Nguyễn Thị Định từ Ngã 3 Ngô Mây đến đường Ngô Gia tự)	BQL DA Công trình Giao thông	320



PHỤ LỤC 04

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Bố trí vốn đợt này
	TỔNG CỘNG		6.800
1	Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A); hạng mục: Hệ thống điện các khu tái định cư (xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước và điểm tái định cư khu C5 và CX4 Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn)	Ban Giải phóng mặt bằng	3.000
2	Nạo vét khơi thông luồng, kết hợp tận thu cát nhiễm mặn khu vực cửa biển Tam Quan	UBND huyện Hoài Nhơn	3.800

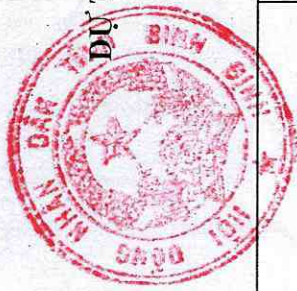
PHỤ LỤC 05

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Bình Định)

DVT: triệu đồng

NỘI DUNG THU	Dự toán năm 2017 giao đầu năm		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Dự toán năm 2017 sau khi điều chỉnh	
	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương	Ngân sách nhà nước	Ngân sách địa phương
A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.128.600	5.200.550	7.562,728	7.562,728	6.136.162,728	5.208.112,728
Trong đó:						
II. Thu nội địa	5.574.000	5.116.950	7.562,728	7.562,728	5.581.562,728	5.124.512,728
Trong đó:						
Xỏ số kiến thiết	100.000	100.000	7.562,728	7.562,728	107.562,728	107.562,728



PHỤ LỤC 06
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 (ĐIỀU CHỈNH)
*(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND
 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Bình Định)*

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2017 giao		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			Dự toán năm 2017 sau khi điều chỉnh		
	Tổng số chi ngân sách địa phương	Chia ra		Tổng số chi ngân sách địa phương	Chia ra	Tổng số chi ngân sách địa phương	Chia ra	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.711.298	4.310.213	4.401.085	7.562.728	7.562.728	8.718.860,728	4.317.775,728	4.401.085
<i>Trong đó:</i>								
I. Chi đầu tư phát triển:	1.659.710	1.105.960	553.750	7.562,728	7.562,728	1.667.272,728	1.113.522,728	553.750
<i>Trong đó:</i>								
1. Chi đầu tư từ nguồn Xổ số kiến thiết	100.000	100.000	0	7.562,728	7.562,728	107.562,728	107.562,728	0

PHỤ LỤC 07
BỔ SUNG TỔNG NGUỒN VỐN ĐTPT NĂM 2017 VÀ PHÂN BỐ CHI TIẾT
CHO CÁC DANH MỤC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết 79/2017/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Kế hoạch năm 2017	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
A	NGUỒN VƯỢT THU XSKT NĂM 2016		7.562,728		
1	Trường Mầm non Nhơn Hạnh (Nhơn Thiện)	Nhơn Hạnh	400		Trả nợ KLHT
2	Trường THCS Phước Quang	Phước Quang	300		Trả nợ KLHT
3	Trường Tiểu học số 2 Cát Tài (điểm trường Chánh Danh)	Cát Tài	800	UBND huyện Phù Cát	Trả nợ KLHT
4	Trường mầm non Ân Tín	Ân Tín	500	UBND huyện Hoài Ân	Trả nợ KLHT
5	Trường TH số 2 Ân Tín	Ân Tín	900		Trả nợ KLHT
6	Tiểu học số 1 Hoài Thanh	Hoài Thanh	412,728	UBND huyện Hoài Nhơn	Trả nợ KLHT
7	Trường Mẫu giáo Hoài Hải	Hoài Hải	400		Trả nợ KLHT
8	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc	Tam Quan Bắc	800		Trả nợ KLHT
9	Trường MG Hoài Thanh Tây	Hoài Thanh Tây	300		Trả nợ KLHT
10	Trường TH số 1 thị trấn Vân Canh	TT Vân Canh	400	UBND huyện Vân Canh	Trả nợ KLHT
11	Trường PTDT bán trú Canh Liên	Canh Liên	300		Trả nợ KLHT
12	Trường TH và THCS Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa	200	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Trả nợ KLHT
13	Nhà thực hành nghề thuộc trường Cao đẳng Bình Định	Quy Nhơn	400	Trường Cao đẳng Bình Định	Trả nợ KLHT
14	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (nhà lớp học bộ môn)	Quy Nhơn	200	Sở GD&ĐT	Trả nợ KLHT
15	Khu di tích Vụ thám sát Kim Tài	An Nhơn	200	Sở VH TT	Trả nợ KLHT
16	Lăng mộ Mai Xuân Thưởng	Tây Sơn	550		Thanh toán phần thiết bị
17	Cụm di tích Tháp Bánh Ít	Tuy Phước	500		Trả nợ KLHT

PHỤ LỤC 08



KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2016 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU ÁP DỤNG CHO GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND

ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Huyện / thị xã / thành phố	Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
1	TP. Quy Nhơn	69.510	644	0,93	619	0,89
2	Tuy Phước	51.686	3.316	6,42	1.625	3,14
3	TX. An Nhơn	50.253	2.569	5,11	2.058	4,10
4	Phù Cát	51.619	4.351	8,43	3.452	6,69
5	Phù Mỹ	46.358	4.647	10,02	2.989	6,45
6	Hoài Nhơn	58.789	5.769	9,81	5.478	9,32
7	Hoài Ân	26.298	4.379	16,65	2.502	9,51
8	Tây Sơn	38.209	4.078	10,67	3.659	9,58
9	Vân Canh	8.394	4.574	54,49	1.874	22,33
10	Vĩnh Thạnh	9.467	5.308	56,07	1.592	16,82
11	An Lão	8.350	5.002	59,90	1.222	14,63
TOÀN TỈNH		418.933	44.637	10,65	27.070	6,46

PHỤ LỤC 09

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	KH 2017	Điều chỉnh: Tăng (+) Giảm(-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG					
<i>a</i>	<i>Điều chỉnh giảm</i>					
<i>1</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<i>10.000</i>	<i>-5.000</i>	<i>5.000</i>		
<i>b</i>	<i>Điều chỉnh tăng</i>					
<i>1</i>	<i>Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung- tỉnh Bình Định</i>	<i>0</i>	<i>5.000</i>	<i>5.000</i>		<i>CBĐT</i>
	<i>Trong đó:</i>					
<i>1</i>	<i>- Các tiểu dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNN tỉnh thực hiện</i>			<i>3.300</i>	<i>BQL DA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh</i>	
<i>2</i>	<i>- Các tiểu dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh thực hiện</i>				<i>BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh</i>	

PHỤ LỤC 10

**DANH MỤC CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016
VÀ CÁC NĂM TRƯỚC CHƯA THỰC HIỆN HẾT CHUYỂN SANG NĂM 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

DVT: VND

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2016 còn lại chuyển nguồn sang năm 2017 tiếp tục thực hiện				Kế hoạch vốn các năm trước được chuyển nguồn sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Dự dự toán	Dự toán tạm ứng theo chế độ		Dự dự toán	Dự toán tạm ứng theo chế độ			
1	2	10=1+12	11=4-(3+6)	12=6	13=14+15	14=7-(8+9)	15=9			
	TỔNG CỘNG	61.470.688.089	18.839.686.589	42.631.001.500	14.518.716.145	13.426.199.145	1.092.517.000			
I	Nguồn vốn XDCB tập trung	54.321.242.089	15.152.135.589	39.169.106.500	5.681.094.145	5.681.094.145	-			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư (ĐTTT)	4.991.021.000	3.641.021.000	1.350.000.000	1.182.981.000	1.182.981.000	0			
	Ban Dân tộc									
	Cải tạo sửa chữa trụ sở số 185-187 đường Phan Bội Châu, thành phố Quy Nhơn cho Ban dân tộc làm trụ sở làm việc	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	Sở Nội vụ									
	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	UBND H.Hoài Nhơn									
	Trụ sở làm việc UBND xã Hoài Mỹ	22.878.000	22.878.000	0	0	0	0			
	UBND H.Phù Cát									
	Trạm Y tế xã Cát Tường	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	Khu thể thao xã Cát Tường	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	UBND H.Phù Mỹ									
	Cải tạo hệ thống Kênh T (doan từ cầu Cho đến cầu Đá)	5.313.000	5.313.000	0	0	0	0			
	Khu di tích và tượng đài chiến thắng Đèo Nhông-Dương Liễu	3.634.000	3.634.000	0	0	0	0			
	UBND H.TP Quy Nhơn									
	Kéo lưới điện phục vụ xã đảo Nhơn Châu	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	UBND huyện Tuy Phước									
	Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nhà Phu	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0			
	UBND huyện Vân Canh									
	Kè chống sạt lở khu dân cư làng Canh Phước	5.354.000	5.354.000	0	0	0	0			

[illegible]

Trung tâm giáo dục lao động Xã hội	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
Hệ thống cảng cá, Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	932.000.000	932.000.000		0	0	0	0	0
Sửa chữa văn phòng thường trực ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Trạm thực nghiệm nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn Cát Thành, huyện Phù Cát	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Đường làm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Hỗ trợ đầu tư đường làm nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Dự án Trung tâm cá Koi Việt - Nhật	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Văn phòng tỉnh ủy								
Trụ sở làm việc nhà 2A Trần Phú	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Dự án triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Cảnh sát phòng cháy chữa cháy								
Xây dựng Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Sở Văn hóa thể thao								
Đoàn ca kịch Bài Chòi	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Đền thờ Võ Văn Dũng	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Đền thờ Nguyễn Trung Trực	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Đề án bảo tồn và phát huy võ cổ truyền Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Quảng trường tỉnh: Đài tưởng niệm	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Quảng trường tỉnh: Tượng cha con Bác Hồ cùng với bức Phù điêu	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Sở Xây dựng								
Đầu tư XD Trụ sở các cơ quan chuyên môn tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Sở Thông tin và truyền thông								
Xây dựng trung tâm CNTT tỉnh Bình Định	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020	50.000.000	50.000.000		0	0	0	0	0
Bệnh viện Đa khoa tỉnh								

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, hạng mục Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Sở Y tế							
Xây dựng, sửa chữa TTYT huyện Tây Sơn	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Phong	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc của Trung tâm Da liễu	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Bệnh viện Sản Nhi Bình Định	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ - TTYT Hoài Nhơn	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
BQL giải phóng mặt bằng tỉnh							
Sửa chữa nhà làm việc TTBT GPMB tỉnh	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn							
Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn (Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp)	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Trường Cao đẳng y tế							
Xây dựng nhà ký túc xá sinh viên - Trường Cao đẳng y tế	50.000.000	50.000.000	0	0	0	0	0
Ban QLDA CT Giao thông							
Thay thế 22 bộ cấp DUL ngoài còn lại và 12 khe co giãn của cầu Thị Nại	0	0	0	24.560.000	24.560.000	0	0
Cầu nối đường Hòa Lư với Khu dân cư đông Điện Biên Phú	0	0	0	24.307.000	24.307.000	0	0
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh lộ	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	0
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (SDB)							
Nhà làm việc mới của Đại đội trinh sát - BCHQS tỉnh	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	0
Đường hầm SH 02	0	0	0	100.000.000	100.000.000	0	0
Sở Công thương (SDB)							
Nhà làm việc của Văn phòng chi cục và các Đội Quản lý thị trường	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	0
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (SDB)							
Trung tâm chăm sóc Người có công	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	0
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (SDB)							
Sửa chữa văn phòng thường trực ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	0
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (SDB)							
Quảng trường tỉnh (Đài tưởng niệm)	0	0	0	200.000.000	200.000.000	0	0
Quảng trường tỉnh (Tượng cha con Bác Hồ cùng với bức phù điêu)	0	0	0	200.000.000	200.000.000	0	0
Sở Xây dựng (SDB)							

145

Dầu tư XD Trụ sở các cơ quan chuyên môn tỉnh Bình Định	0	0	0	0	100.000.000	100.000.000	0	
Sở Xây dựng (SDB)								
Trụ sở làm việc nhà 2A Trần Phú	0	0	0	0	150.000.000	150.000.000	0	
UBND huyện Phù Cát (SDB)								
Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cát Khánh	0	0	0	0	2.801.000	2.801.000	0	
UBND thị xã An Nhơn (SDB)								
Hệ thống cấp nước sạch khu TĐC phục vụ KCN Nhơn Hòa	0	0	0	0	31.313.000	31.313.000	0	
Văn phòng UBND tỉnh (SDB)								
Sửa chữa nhà khách Thanh Bình	0	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	
Kho lưu trữ của Văn phòng UBND tỉnh	0	0	0	0	50.000.000	50.000.000	0	
2 Vốn thực hiện dự án (ĐTTT)	5.394.516.589	2.298.880.089	3.095.636.500	43.764.166	43.764.166		0	
Bộ CHBĐ Biên phòng								
Trạm kiểm soát Biên phòng Đê Gi - thuộc đồn Biên phòng 316	17.000	17.000	0	0	0	0	0	
Tường rào cơ quan chi huy BDBP tỉnh Bình Định	195.000	195.000	0	0	0	0	0	
BCH Quân sự tỉnh								
Doanh trại Đại đội Công binh	700.000.000	0	700.000.000	0	0	0	0	
UBND TP Quy Nhơn								
Hệ thống điện chiếu sáng đường Quốc lộ 1D vào Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	490.000	490.000	0	0	0	0	0	
Cấp điện nguồn, chiếu sáng và đèn trang trí sợi quang cho Quảng trường tỉnh	21.368.000	21.368.000	0	0	0	0	0	
UBND huyện Hoài Ân								
Cầu Hương Quang	156.000	156.000	0	0	0	0	0	
UBND huyện Hoài Nhơn								
Trường Mẫu giáo TT Tam Quan	79.346.000	79.346.000	0	0	0	0	0	
Trường Mẫu giáo Hoài Châu Bắc	15.783.000	15.783.000	0	0	0	0	0	
Trường MN Hoài Hương (thôn Nhuận An)	0	0	0	356	356		0	
UBND huyện Phù Cát								
Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cát Minh	20.473.000	20.473.000	0	0	0	0	0	
Sở Giáo dục và Đào tạo								
Trường THPT Trung Vương, thành phố Quy Nhơn (HM, Sân, đường nội bộ,...)	57.791.000	57.791.000	0	0	0	0	0	
Chương trình Phát triển giáo dục trung học (Trung tâm GDTX-HN Vĩnh Thạnh và Trung tâm GDTX-HN An Lão)	264.400	264.400	0	0	0	0	0	

Dự án phát triển giáo dục THCS vùng khuya khăn nhất giai đoạn 2	224.845.000	224.845.000	0	0	0	0	0
Sở Giáo dục và Đào tạo (ĐTTT)							
Trường THPT An Nhơn 3	0	0	0	600.000	600.000	0	
Trường Chuyên Lê Quý Đôn	0	0	0	350.000	350.000	0	
Sở Giao thông vận tải							
Sửa chữa tuyến đường tỉnh lộ DT633, DT638, DT629	623.000	623.000	0	0	0	0	
Kè chống xói lở DT 638 (Km13+400)	894.000	894.000	0	0	0	0	
Tài trợ bổ sung Hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (Tiểu dự án: Sửa chữa tuyến đường DT.638 đoạn Km17+00 - Km29+00; Sửa chữa đoạn Km14-Km17 tuyến Diều Trì-Mực Thỉnh; Sửa chữa đoạn Km24-Km25 tuyến Cát Hải - Cát Thanh)	2.501.000	2.501.000	0	0	0	0	
Tài trợ bổ sung Hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai (Tiểu dự án: Sửa chữa tuyến đường DT.638 đoạn Km17+00 - Km29+00; Sửa chữa đoạn Km14-Km17 tuyến Diều Trì-Mực Thỉnh; Sửa chữa đoạn Km24-Km25 tuyến Cát Hải - Cát Thanh)	21.745.000	21.745.000	0	0	0	0	
Nâng cấp mở rộng đường vào Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	185.986.000	0	185.986.000	0	0	0	
Xây dựng mới cầu bần tại Km25+80 tuyến DT 637	6.730.000	6.730.000	0	0	0	0	
Sở Kế hoạch và đầu tư							
Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định (Bí tài trợ)	177.845.000	177.845.000	0	0	0	0	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							
Nhà làm việc Hạt kiểm lâm An Lão	80.714.000	80.714.000	0	0	0	0	
Hạt kiểm lâm Tây Sơn	187.602.000	0	187.602.000	0	0	0	
Sửa chữa nhà làm việc Hạt kiểm lâm huyện Hoài Ân	8.656.000	0	8.656.000	0	0	0	
Phát triển NTTH các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung	57.032.000	0	57.032.000	0	0	0	
Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	388.000.000	0	388.000.000	0	0	0	
Dự án Cấp nước và Vệ sinh nông thôn vùng miền trung (ADB)	200.000.000	0	200.000.000	0	0	0	
Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm lầy Nại-Tỉnh Bình Định	192.579.000	0	192.579.000	0	0	0	
Dự án sinh kế nông thôn bền vững	0	0	0	540.000	540.000	0	
Quỹ bảo vệ môi trường							
Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc của cơ quan chỉ cục bảo vệ môi trường và Quỹ bảo vệ môi trường	515.000	515.000	0	0	0	0	

Dầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái dân cư tại phường Trần Quang Diệu phục vụ đất Tái định cư cho các hộ 65 dân bị ảnh hưởng	0	0	0	0	713.000	713.000	0	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
Cấp nước Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	0	0	0	0	416.000	416.000	0	
Dự án đầu tư tu bổ đê điều thương xuyên tỉnh Bình Định (Đê khu dòng)	0	0	0	0	6.360.000	6.360.000	0	
Dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập ứng hạ lưu sông Hà Thanh.	4.323.301.000	1.866.000.000	2.457.301.000	0	0	0	0	
Dự án tu bổ đê điều năm 2010 tỉnh Bình Định	646.000	646.000	0	0	0	0	0	
Dự án khác phục hậu quả cơ bão số 9 và 11-Đê Đông (chỉ phí XD gói thầu tu sửa đê Nhơn Bình)	131.000	131.000	0	0	0	0	0	
Dự án Đê Huỳnh Giann, Phước Hòa (chỉ phí tư vấn khảo sát thiết kế, lập dự án DTXD)	399.000	399.000	0	0	0	0	0	
Dự án khôi phục và quản lý rừng bền vững (KFW6)	177.000	177.000	0	0	0	0	0	
Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Định (giai đoạn 2)	200.191.000	0	200.191.000	0	0	0	0	
Nhà làm việc Hạt kiểm lâm An Lão	0	0	0	0	4.521.000	4.521.000	0	
Nhà làm việc Trung tâm QH nông nghiệp	0	0	0	0	1.000	1.000	0	
Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh								
Doanh trại DB52/e739	1.280.000.000	0	1.280.000.000	0	0	0	0	
Trường Quân sự tỉnh Bình Định	116.761.000	0	116.761.000	0	0	0	0	
Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh Bình Định	358.013.000	330.287.000	27.726.000	0	0	0	0	
BQL DA DTXD CÁC CTR DD&CN tỉnh Bình Định								
Hoàn trả tạm ứng NST: Dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn	1.742.206.000	0	1.742.206.000	0	0	0	0	
Lát đá Granite bó vỉa, vỉa hè đường Nguyễn Huệ	10.933.000	10.933.000	0	0	0	0	0	
Trung tâm hội nghị của tỉnh	17.408.616.000	0	17.408.616.000	0	0	0	0	
Sở Giao thông vận tải								
Mua sắm, lắp đặt camera và cần tải trọng phục vụ công tác quản lý và bảo vệ cầu Thị Nại	29.476.000	29.476.000	0	0	0	0	0	
Cầu Hoa Lư (nối đường Hoa Lư với khu dân cư Đồng Điện Biên phủ, thành phố Quy Nhơn	8.107.301.000	0	8.107.301.000	0	0	0	0	
Sửa chữa các tuyến tỉnh lộ	0	0	0	0	55.000	55.000	0	
Sở Tư Pháp								
Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư Pháp	21.952.000	21.952.000	0	0	0	0	0	
Sở Thông tin và Truyền thông								
Dầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020	28.781.000	28.781.000	0	0	0	0	0	
Văn phòng UBND tỉnh								

Trụ sở tiếp công dân tỉnh Bình Định	605.579.000	605.579.000	0	0	0	0	0	0
Đầu tư nâng cấp Hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu tại Văn phòng UBND tỉnh năm 2016	7.400.000	7.400.000	0	0	0	0	0	0
UBND TP Quy Nhơn								
Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Nhơn Hải	399.856.000	399.856.000	0	0	0	0	0	0
UBND Tây Sơn								
BTXM tuyến đường từ Thuận Nhất đến giáp huyện Phù Cát	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	0	0	0	0
UBND Thị xã An Nhơn								
Đê dôi 5 khu vực Bằng Châu	153.209.000	153.209.000	0	0	0	0	0	0
UBND H.Phù Mỹ								
Đường BTXM liên thôn xã Mỹ Tài, hàng mục tuyến Nhà dả-An lương đến nhà ông Tâm và tuyến Vạn Ninh 1 đi Vĩnh Nhơn	0	0	0	0	72.000	72.000	0	0
BTXM tuyến đường liên xã DT 632 (xã Mỹ Chánh tây) đi xã Mỹ Tài	0	0	0	0	39.939.000	39.939.000	0	0
BTXM tuyến đường Tân Ốc-Vạn Định	0	0	0	0	19.000	19.000	0	0
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (SDB)								
Nhà khách bộ chỉ huy quân sự tỉnh	0	0	0	0	489.000	489.000	0	0
Sở Công thương (SDB)								
Công trình kho chứa hàng hóa tạm giữ chờ xử lý của CCQLTT Phường Nhơn Phú, TPQN	0	0	0	0	8.738.000	8.738.000	0	0
UBND H.Phù Cát								
Đê ngăn mặn từ Dốc Gành đến cầu Ngòi - Cát Khánh	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0
UBND H. Vân Canh								
Trường Tiểu học Canh Liên hùn Nhà lớp học 04 phòng và các phòng chức năng	1.048.000	1.048.000	0	0	0	0	0	0
UBND H. Hoài Nhơn								
Kiến cổ hóa kênh tưới thuộc hồ chứa nước Hồ Giang, xã Hoài Châu	500.000.000	500.000.000	0	0	0	0	0	0
Nhà bia Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoài Châu Bắc (Đồi Mười)	0	0	0	0	40.000.000	40.000.000	0	0
Hội chữ thập đỏ								
Sửa chữa trụ sở làm việc Hội chữ thập đỏ Bình Định	28.820.000	28.820.000	0	0	19.318.000	19.318.000	0	0
UBND huyện Hoài Ân								
Già cổ kê chống sạt lở đường đến xã DakMang	0	0	0	0	872.000	872.000	0	0
Ban QL Khu kinh tế BD								
Hệ thống thu gom nước thải Khu vực Tây Nam Khu kinh tế Nhơn Hội	2.317.500.000	2.317.500.000	0	0	0	0	0	0
Sở Khoa học công nghệ								
Cải tạo môi trường cảnh quan-TT QTKH và GD/LN (ICSE)	653.787.000	653.787.000	0	0	0	0	0	0

	Ban quản lý khu kinh tế Bình Định (Nguồn 50% tăng thu NSDP)								
	Kinh phí bồi thường, di dời mỏ mà GPMB dự án Quản thể du lịch lịch sử, sinh thái và tâm linh tại Khu vực Linh Phong thuộc KKT Nhơn Hội theo Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 7/5/2015	0	0	0	0	402	402	0	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nguồn 50% tăng thu NSDP)								
	Dự án xây dựng cấp bách kê chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn	0	0	0	0	2.960.462.000	2.960.462.000	0	
	Bệnh viện đa khoa tỉnh								
	Dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà mổ (cũ) và khu nhà Khoa Nội thận lọc máu BVĐK tỉnh	0	0	0	0	1.000	1.000	0	
	Ban QLDA CT Giao thông (Tăng thu NS tính)								
	Chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án nâng cấp, mở rộng QL 1D đoạn từ Ngã ba Phú Tài-Ngã ba Long Vân, TP. Quy Nhơn	0	0	0	0	1.243.870.000	1.243.870.000	0	
	UBND huyện Tuy Phước								
	Đê biện hạ lưu đập ngăn mặn Bàn Dừa (đoạn phía Bắc hạ lưu cầu Trường Úc)	0	0	0	0	993	993	0	
	Kê tá ngăn bờ sông cầu Đỏ, Phước Hiệp	0	0	0	0	121.330.000	121.330.000	0	
4	Nguồn dự phòng ngân sách tính năm 2015 chuyển sang năm 2016	960.120.000	960.120.000	-	-	-	-	-	
	Sở Tài nguyên và Môi trường								
	Kinh phí bồi thường, GPMB Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn	960.119.433	960.119.433	0	0	0	0	0	
	Ban quản lý khu kinh tế Bình Định								
	Kinh phí bồi thường, GPMB khu phi thuế quan theo Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 15/11/2016	567	567	0	0	0	0	0	
II	Nguồn khác	7.149.446.000	3.687.551.000	3.461.895.000	8.837.622.000	7.745.105.000	1.092.517.000		
1	Cải cách tiền lương (QĐ 631)	0	0	0	5.373.306.000	4.300.292.000	1.073.014.000		
	Trung tâm phát triển quỹ đất								
	Khu TĐC phục vụ dự án xây dựng Khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh	0	0	0	4.647.601.000	3.867.737.000	779.864.000		
	Khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh	0	0	0	725.705.000	432.555.000	293.150.000		
2	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh	0	0	0	3.450.447.000	3.430.944.000	19.503.000		
	Trung tâm phát triển quỹ đất								
	Hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án xây dựng khu du lịch Ghềnh Ráng giai đoạn 2,3 cho Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn Quy Nhơn	0	0	0	3.420.403.000	3.420.403.000	0		
	Dự án đại đội công binh	0	0	0	30.044.000	10.541.000	19.503.000		

3	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết	3.419.509.000	3.324.257.000	95.252.000	13.869.000	13.869.000	0	
	UBND huyện Tây Sơn							
	Trường THCS Tây Phú (nhà lớp học bộ môn 2 tầng)	205.000	205.000	-	0	0	-	
	UBND huyện An Lão							
	Mẫu giáo xã An Trung (hàng mục: xây dựng mới 1 phòng học thôn 3, xây dựng mới 1 phòng học thôn 5)	102.000	102.000	-	0	0	-	
	UBND huyện Hoài Nhơn							
	Nghĩa trang liệt sỹ Hoài Châu Bắc (Đồi Mười) - Hàng mục: San nền	158.257.000	158.257.000	-	0	0	-	
	Nghĩa trang liệt sỹ Hoài Châu Bắc (Đồi Mười) - Hàng mục: Lát gạch Block sân sau	26.665.000	26.665.000	-	0	0	-	
	Sở Giáo dục và Đào tạo							
	Trường THPT Nguyễn Trãi, huyện Hoài Nhơn (HM: Nhà lớp học bộ môn)	82.000	82.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú An Lão (HM: Nhà lớp học bộ môn: Nhà hiệu bộ - Năm 2012)	949.000	949.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Hoài Ân (HM: Nhà lớp học bộ môn: Nhà hiệu bộ - Năm 2012)	194.000	194.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh (HM: Nhà lớp học bộ môn; Nhà công vụ giáo viên 06 phòng - Năm 2012)	920.000	920.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Văn Canh (HM: Nhà ở học sinh 02 tầng 16 phòng; Nhà hiệu bộ; Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng - Năm 2012)	424.000	424.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Văn Canh (HM: Nhà lớp học bộ môn + phòng chức năng - Năm 2013)	40.000	40.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh (HM: Nhà ở học sinh 02 tầng 20 phòng - Năm 2013)	594.000	594.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Bình Định (HM: Nhà lớp học bộ môn - Năm 2013)	506.000	506.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú An Lão (HM: Nhà đa năng; Nhà vệ sinh - Năm 2013)	409.000	409.000	-	0	0	-	
	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Hoài Ân (HM: Nhà đa năng; Cải tạo, mở rộng Nhà ăn cho học sinh nội trú; Hệ thống cấp nước - Năm 2013)	524.000	524.000	-	0	0	-	
	Trường THPT An Nhơn 3, Trường THPT Hòa Bình và Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo (HM: Nhà vệ sinh)	728.000	728.000	-	0	0	-	

Trường THPT Mỹ Tho, huyện Phú Mỹ (HM: Sân nền, Nhà vệ sinh, tường rào công ngõ, Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (02 dãy) và Nhà hiệu bộ)	299.000	299.000	-	0	0	-	
Trường THPT Phú Cát 3, huyện Phú Cát (HM: Nhà lớp học bộ môn)	326.000	326.000	-	0	0	-	
Sở Văn hóa và Thể thao							
Các bìa di tích đã được xếp hạng và các địa danh là nhà tù hoặc được coi là nhà tù của địch trên địa bàn tỉnh.	76.420.000	9.313.000	67.107.000	0	0	-	
Sở Y tế							
Hành lang cầu nối từ Nhà khám đến khu kỹ thuật, HSCC, khu điều trị - Bệnh viện đa khoa tỉnh	10.962.000	10.962.000	-	0	0	-	
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định - Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị y tế cho Nhà mổ	28.145.000	0	28.145.000	0	0	-	
Bài Phát thanh và Truyền hình Bình Định							
Mua âm máy quay chuyên dụng bị hư hỏng nghiêm trọng qua các đợt mưa lũ năm 2016 nhằm đảm bảo kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong dịp tết Nguyên dân Đinh Dậu năm 2017	2.912.272.000	2.912.272.000	-	-	-	-	
Trường Cao đẳng Y tế Bình Định							
Sửa chữa dây nhà cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	18.113.000	18.113.000	-	0	0	-	
Sửa chữa, cải tạo dây nhà C, cơ sở 130 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	177.110.000	177.110.000	-	0	0	-	
Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn							
Trường Cao đẳng Nghề Quy Nhơn, hạng mục: Tường rào, cổng ngõ, Sân bê tông xi măng; Khu vệ sinh	5.263.000	5.263.000	-	0	0	-	
Bệnh viện đa khoa tỉnh							
Dự án: Cải tạo, sửa chữa khu nhà mổ (cũ) và khu nhà Khoa Nội thận lọc máu BVEDK tỉnh	0	0	0	13.869.000	13.869.000	0	
4 Nguồn thu cổ tức thuộc nguồn vốn nhà nước	3.536.959.000	170.316.000	3.366.643.000	0	0	0	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							
Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung	3.161.977.000	0	3.161.977.000	0	0	0	
Dự án cấp nước sạch và VSMT vùng miền Trung	204.666.000	0	204.666.000	0	0	0	
Sở Tài nguyên và Môi trường							
Khu dân cư tại mặt bằng Công ty 508	170.250.000	170.250.000	0	0	0	0	
Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thuộc khu đô thị - dịch vụ - du lịch phía Tây đường An Dương Vương, TP Quy Nhơn	66.000	66.000	0	0	0	0	

S	Thu tiền thuế đất nộp 1 lần	192.978.000	192.978.000	0	0	0	0	0
	Số Tài nguyên môi trường							
	Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh Dự án Nhà máy chế biến hải sản đông lạnh, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	76.471.000	76.471.000	0	0	0	0	0
	Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh Công trình Đại đội trình sát tại KV5, Phường Quang Trung, TP QN	99.527.000	99.527.000	0	0	0	0	0
	Bổ trí kinh phí bồi thường, hỗ trợ do GPMB khu đất để giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng Đại đội trình sát tại KV5, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn (đợt 3)	16.977.000	16.977.000	0	0	0	0	0
	Bổ trí kinh phí hỗ trợ xây dựng móng nhà cho một số hộ dân được bố trí TĐC tại 03 Khu H, Q, D thuộc Khu quy hoạch TĐC phường Trần Quang Diệu bị giải tỏa trắng do GPMB xây dựng Nhà máy chế biến hải sản đông lạnh tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	3.000	3.000	0	0	0	0	0